

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 480/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 661/QĐ-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 03/NQ-CP.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để b/c);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: KH&CN, Tài chính (để p/h);
- Đảng ủy Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, KHCN, VTP.

BỘ TRƯỞNG**Đỗ Đức Duy**

KẾ HOẠCH

Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 193/2025/QH15); Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 03/NQ-CP);

Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện các Nghị quyết nêu trên, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH

Xác định nhiệm vụ cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, yêu cầu về tiến độ, kết quả cần đạt được; kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để có giải pháp khắc phục, bảo đảm triển khai đầy đủ, có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 03/NQ-CP về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong ngành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 03/NQ-CP, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong toàn ngành nông nghiệp và môi trường về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Cấp ủy đảng, thủ trưởng đơn vị các cấp ban hành kế hoạch của đơn vị và tổ chức thực hiện; quán triệt và yêu cầu toàn thể lãnh đạo, công chức, viên chức người lao động của đơn vị cần có nhận thức đầy đủ và chủ động thực hiện các nhiệm vụ trong từng lĩnh vực, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cá nhân.

b) Rà soát, ban hành quy định về trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; trách nhiệm của từng lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị.

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức điều chỉnh, bổ sung yêu cầu vị trí việc làm đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, bảo đảm tối thiểu 25% tổng số lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

d) Xây dựng kế hoạch và triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Xây dựng chuyên trang thông tin về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường (<https://nghiquyet57.mae.gov.vn>).

e) Phát động phong trào thi đua về đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

g) Tổng kết, đánh giá, phổ biến và nhân rộng các mô hình tốt, hiệu quả trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

h) Xây dựng chương trình đẩy mạnh quảng bá thương hiệu các sản phẩm ngành nông nghiệp và môi trường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới và chuyển đổi số.

i) Xây dựng và ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số (DTI) các đơn vị, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức và đánh giá định kỳ hàng năm.

k) Xây dựng tiêu chí đánh giá, khen thưởng, kỷ luật tập thể, cá nhân trong phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Hoàn thiện thể chế, đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sửa đổi, bổ sung các Luật chuyên ngành nông nghiệp và môi trường, văn bản hướng dẫn thi hành các Luật, bảo đảm sự thống nhất, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn,

đơn giản hoá tối đa thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành, phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và chủ động hội nhập quốc tế.

b) Chủ động, tích cực tham gia sửa đổi, bổ sung, góp ý văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đặc biệt văn bản về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quản lý tài chính, tài sản có liên quan.

c) Sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ đáp ứng quy định về giao dịch điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng giấy tờ điện tử thay thế giấy tờ giấy khi thực hiện thủ tục hành chính; cắt giảm thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

d) Sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật của từng lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chủ động hội nhập quốc tế.

đ) Hoàn thiện các quy định kỹ thuật về thông tin, dữ liệu; quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về: thu nhận, số hóa, tạo lập, xây dựng cơ sở dữ liệu; kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin dữ liệu; đảm bảo an toàn thông tin để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động của ngành nông nghiệp và môi trường trên môi trường số.

e) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong Bộ để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Xây dựng, phê duyệt Đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ sở giáo dục đại học công lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức đó sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng.

c) Xây dựng, phê duyệt Đề án tăng cường năng lực của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (viện/trường, trung tâm chuyên ngành kỹ thuật); phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, khảo nghiệm, phòng thí nghiệm. Theo đó, mỗi lĩnh vực trọng điểm cần có ít nhất một phòng thử nghiệm đạt yêu cầu công nhận tương đương với các phòng thử nghiệm quốc tế, các nước phát triển để phục vụ công tác hội nhập, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

d) Xây dựng, phê duyệt Đề án thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ.

đ) Xây dựng, phê duyệt Danh mục công nghệ chiến lược, các dự án trọng

điểm để thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

e) Sửa đổi, bổ sung và tổ chức triển khai hiệu quả các chiến lược về nghiên cứu, ứng dụng, khai thác không gian biển, không gian ngầm và không gian vũ trụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

g) Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản.

h) Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

i) Nghiên cứu, ứng dụng bản sao số thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường.

k) Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng Internet vạn vật (IoT), mạng LoRaWAN trong quan trắc, giám sát và dự báo về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu và nông nghiệp thông minh.

l) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (Machine learning), dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IOT), chuỗi khối (Blockchain),... trong các lĩnh vực của ngành nông nghiệp và môi trường.

m) Phát triển nền tảng số dùng chung của ngành nông nghiệp và môi trường, kết nối, liên thông với các nền tảng số quốc gia bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông trên môi trường số:

- Hợp nhất, hoàn thiện, mở rộng hệ thống hạ tầng số, an toàn thông tin, bảo đảm an ninh mạng dùng chung của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ.

- Hợp nhất, mở rộng, hoàn thiện các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, chuyên môn chung.

- Hoàn thiện hệ thống liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu toàn ngành, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; hoàn thiện hệ thống cung cấp DVCTT của Bộ kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia...

- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành, triển khai các hệ thống thông tin, ứng dụng số, nền tảng số.

- Tăng cường đầu tư hoặc thuê dịch vụ cung cấp hạ tầng số, ứng dụng số, hạ tầng dữ liệu, nền tảng dữ liệu lớn, nền tảng kết nối chia sẻ dùng chung theo hướng hợp nhất, tập trung hóa; vận hành, nâng cấp các Trung tâm dữ liệu ngành, kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, Hệ thống đám mây của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của ngành nông nghiệp và môi trường trên môi trường số, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Thúc đẩy phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực quản

lý của Bộ; phân tích, xử lý và cảnh báo, dự báo số liệu ngành nông nghiệp và môi trường.

- Xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức và cá nhân đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; công bố danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển các hạ tầng số.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số; đề xuất chính sách ưu tiên cho các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong xây dựng hạ tầng số nông nghiệp và môi trường.

n) Đầu tư xây dựng, triển khai hạ tầng số hợp nhất, tập trung hóa, sử dụng chung; vận hành, nâng cấp các Trung tâm dữ liệu ngành, sử dụng công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin đáp ứng quy mô tăng trưởng của dữ liệu và các dịch vụ dữ liệu; kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, Hệ thống đám mây của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.

o) Kết nối, tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai của các địa phương từ kết quả đo đạc, đăng ký, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

p) Hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ; kết nối, liên thông, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”.

q) Xây dựng đề án Hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường

r) Xây dựng, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội của Bộ.

s) Nâng cấp Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của Bộ; kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phục vụ giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến.

x) Xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong ngành nông nghiệp và môi trường.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW và các văn bản hướng dẫn của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực được phê duyệt.

b) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các tổ chức khoa học và công nghệ công lập của Bộ để tập trung nguồn lực, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và đào tạo.

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đáp ứng được yêu cầu mới

của phát triển đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.

d) Tham gia xây dựng cơ chế đặc biệt nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng xây dựng, tổ chức, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm quốc gia và của Bộ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược của ngành.

e) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng yêu cầu phát triển của Bộ, ngành.

g) Tổ chức thực hiện chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực triển khai phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ.

h) Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường có sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành trong nước và nước ngoài.

i) Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về các lĩnh vực khoa học dữ liệu, phân tích và xử lý dữ liệu lớn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ, ngành.

k) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; nâng cao hiệu quả quản trị ngành, lĩnh vực, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số; hoàn thiện, đổi mới quy định, chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình hành chính, cải cách hành chính dựa trên công nghệ số; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính phủ số và các đơn vị thuộc Bộ.

b) Xây dựng, ban hành Kiến trúc Chính phủ số của Bộ/Ngành Nông nghiệp và Môi trường (Phiên bản 4.0); Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung; Danh mục dữ liệu mở; Danh mục và kế hoạch phát triển dữ liệu lớn thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

c) Triển khai Trung tâm giám sát điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa cơ quan quản lý và người dân, doanh nghiệp.

d) Đẩy mạnh số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu để mọi hoạt động của ngành dựa trên dữ liệu và cắt giảm thủ tục hành chính trong ngành nông nghiệp và môi trường.

đ) Nâng cao chất lượng, đẩy mạnh loại hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cấp giấy phép tự động, cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; phấn đấu bảo đảm mục tiêu của Chính phủ đến năm 2030 đạt, đảm bảo trên 90% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả.

e) Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số trong nước đảm bảo an toàn, tiện ích cho người dân và doanh nghiệp.

g) Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phòng chống dịch bệnh, tạo điều kiện cho phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp, khai thác bền vững tài nguyên.

h) Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ, nội dung số.

i) Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống quản lý khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ ra quyết định (có khả năng tích hợp kết quả nghiên cứu của ngành từ các địa phương).

k) Sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ cấp bộ “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường”.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp về nông nghiệp và môi trường

a) Rà soát, đề xuất chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, ưu tiên đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp;

b) Đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

c) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

d) Hướng dẫn, tổ chức đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ trong việc thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đổi mới doanh nghiệp hiệu quả, tăng năng suất lao động.

d) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ nông

nghiệp và môi trường trên môi trường số; thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng kết quả của nghiên cứu khoa học, công nghệ vào doanh nghiệp và sản xuất.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, các tập đoàn đa quốc gia, các viện nghiên cứu, trường đại học hàng đầu thế giới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, nguyên tắc, quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; hình thành mạng lưới các nhà nghiên cứu khoa học tìm kiếm cơ hội áp dụng đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào các hoạt động quản lý hiệu quả và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Nghiên cứu, đề xuất hợp tác liên Chính phủ để hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các lĩnh vực Bộ quản lý; tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới trong các lĩnh vực Bộ quản lý; thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) Xây dựng kế hoạch để các chuyên gia Việt Nam tham gia vào các tổ chức quốc tế có liên quan, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ.

III. MỤC TIÊU, DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Mục tiêu, danh mục các nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, cấp ủy và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả.

2. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo lĩnh vực được phân công phụ trách có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan thuộc Bộ tham mưu

a) Thành lập Ban Chỉ đạo của Bộ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Bí thư Đảng ủy, Bộ trưởng làm trưởng ban.

b) Thành lập Hội đồng tư vấn của Bộ và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước.

c) Đề xuất, tổng hợp các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Bộ.

d) Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện các Chương trình khoa học, công nghệ cấp Bộ, giai đoạn 2026 - 2030.

đ) Xây dựng và trình phê duyệt Đề án thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ.

e) Sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ cấp bộ “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường”.

g) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo, đề xuất với lãnh đạo Bộ về các biện pháp cần thiết bảo đảm Kế hoạch được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

h) Ban hành tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát động phong trào thi đua phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường.

i) Xây dựng chuyên trang thông tin về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường (<https://nghiquyet57.mae.gov.vn>).

k) Định kỳ báo cáo kết quả và giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch.

4. Vụ Pháp chế chủ trì tham mưu

a) Trình Bộ ban hành Kế hoạch rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành để bảo đảm sự thống nhất, tháo gỡ các điểm nghẽn, đơn giản hoá tối đa thủ tục hành chính, đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chủ động hội nhập quốc tế.

b) Chủ động, tích cực tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung, góp ý các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

5. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì tham mưu

a) Rà soát, ban hành quy định về trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;

b) Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả và theo hướng tự chủ.

c) Cơ chế, chính sách phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Bộ và của ngành nông nghiệp và môi trường.

d) Xây dựng kế hoạch để các chuyên gia Việt Nam tham gia vào các tổ chức quốc tế có liên quan, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ.

6. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì tham mưu

a) Hằng năm, cân đối và bố trí các nguồn kinh phí để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này và Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 03/NQ-CP.

b) Đề xuất, xây dựng, ban hành cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, thương mại các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dịch vụ số.

c) Tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính, quản lý tài sản hình thành từ các nhiệm vụ KHCN.

d) Chủ động, tích cực tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung, góp ý các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quản lý tài chính liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7. Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ tham mưu tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

8. Cục Chuyển đổi số chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan thuộc Bộ tham mưu, thực hiện

a) Triển khai, phát triển nền tảng số dùng chung của ngành nông nghiệp và môi trường, kết nối, liên thông với các nền tảng số quốc gia bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông trên môi trường số; thí điểm triển khai bản sao số thuộc phạm vi của ngành nông nghiệp và môi trường cho một số thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Đầu tư xây dựng, triển khai hạ tầng số hợp nhất, tập trung hóa, sử dụng chung; vận hành, nâng cấp các Trung tâm dữ liệu ngành, sử dụng công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin đáp ứng quy mô tăng trưởng của dữ liệu và các dịch vụ dữ liệu; kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, Hệ thống đám mây của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.

c) Hoàn thiện các quy định kỹ thuật về thông tin, dữ liệu; quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá về: thu nhận, số hóa, tạo lập, xây dựng cơ sở dữ liệu; kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin dữ liệu; đảm bảo an toàn thông tin để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động của ngành nông nghiệp và môi trường trên môi trường số.

d) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng và ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số (DTI) các đơn vị, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức; tham gia đánh giá định kỳ hàng năm.

9. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện về Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục Chuyển đổi số trước ngày 01 tháng 6 và trước ngày 15 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

Phụ lục I
MỤC TIÊU VÀ CHỈ SỐ CẦN ĐẠT ĐƯỢC

(Kèm theo Quyết định /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá
1.	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Đạt mức tiên tiến ở một số lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi thú y, thủy sản, lâm nghiệp...) thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao	Vụ KHCN
2.	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	Thứ bậc	Lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi thú y, thủy sản,... đạt trình độ quốc tế	Vụ KHCN
3.	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng ngành nông nghiệp	%	50	Vụ KHCN
4.	Kết quả nghiên cứu được công nhận giống mới, SHTT, giải pháp hữu ích, tiến bộ kỹ thuật và áp dụng vào sản xuất	%	50	Vụ KHCN
5.	Tỷ lệ kết quả các nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm là giống, vật tư đầu vào, quy trình công nghệ, thiết bị, tiến bộ kỹ thuật..., được ứng dụng vào thực tiễn	%	> 60	Vụ KHCN
6.	Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (VietGAP) hoặc tương đương trở lên	%	> 30	Cục Trồng trọt - BVTV

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá
7.	Tỷ lệ sản phẩm sử dụng công nghệ cao, công nghệ nguồn, cốt lõi của từng nhóm chuyên ngành	%	> 20	
8.	Tổng giá trị chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu từ các viện nghiên cứu, trường đại học thuộc Bộ cho doanh nghiệp tăng so với giai đoạn 2021-2035.	%	> 20	Vụ KHCN
9.	Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có sự hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên phạm vi cả nước	Doanh nghiệp	> 200	Vụ KHCN
10.	Xây dựng và phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các vùng sinh thái nông nghiệp	Vùng	50	Vụ KHCN
11.	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST chiếm 30% vào năm 2025 và chiếm 50% vào năm 2030	%	50	Vụ KHCN
12.	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
12.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Cục Chuyển đổi số (CĐS)
12.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Văn phòng Bộ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá
12.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	90	Văn phòng Bộ
12.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	90	Văn phòng Bộ
12.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng Bộ
12.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng Bộ
12.7	Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép	%	50	Văn phòng Bộ
12.8	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	85	Văn phòng Bộ
12.9	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng Bộ
12.10	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng Bộ

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGHỊ QUYẾT SỐ 193/2025/QH15 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 03/NQ-CP VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I.	NÂNG CAO NHẬN THỨC, ĐỔI MỚI TƯ DUY, QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ MẠNH MẼ TRONG TOÀN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ				
1.	Xây dựng kế hoạch của Bộ NN&MT triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 03/NQ-CP.	Vụ Khoa học và Công nghệ (KHCN)	Cục (CĐS); Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của Bộ trưởng	3/2025
2.	Thành lập Ban Chỉ đạo, Hội đồng tư vấn của Bộ, Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo của Bộ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ban hành Quy chế hoạt động của BCD, HĐ tư vấn và tổ giúp việc.	Vụ KHCN	Cục CĐS; Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của Bộ trưởng	3-4/2025
3.	Cụ thể hóa nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của Bộ	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Vụ KHCN, Cục CĐS	Kế hoạch công tác	Thường xuyên
4.	Rà soát, ban hành quy định về trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; trách nhiệm của từng lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện kế hoạch	Vụ Tổ chức cán bộ (TCCB)	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	9/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	hàng năm của cơ quan, đơn vị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị.				
5.	Xây dựng kế hoạch và tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung yêu cầu vị trí việc làm đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc Bộ bảo đảm tối thiểu 25% tổng số lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của Bộ trưởng	9/2025
6.	Xây dựng kế hoạch và triển khai tuyên truyền, quán triệt, phổ biến sâu rộng về hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Báo Nông nghiệp và Môi trường (NNMT)	Vụ KHCN, Cục CDS, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị thuộc Bộ, ngành NNMT	Quyết định của Bộ trưởng	6/2025
7.	Xây dựng chuyên trang thông tin về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường (https://nghiquyet57.mae.gov.vn)	Vụ KHCN	Cục CDS, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị thuộc Bộ, ngành NNMT	Trang web	2025
8.	Phát động phong trào thi đua đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Vụ KHCN	Vụ TCCB và các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Chương trình thực hiện	Thường xuyên
9.	Tổng hợp, đánh giá, phổ biến và nhân rộng các mô hình tốt, hiệu quả trong việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Vụ KHCN	Cục CDS; Trung tâm Khuyến nông	Văn bản của Bộ	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	và chuyển đổi số		Quốc gia, các đơn vị thuộc Bộ		
10.	Xây dựng chương trình đẩy mạnh quảng bá thương hiệu ngành nông nghiệp và môi trường về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Cục CDS; Trung tâm truyền thông, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của Bộ trưởng	2025
11.	Xây dựng, ban hành Bộ chỉ số và đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số (DTI) các đơn vị, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức và đánh giá định kỳ hàng năm.	Cục CDS	Vụ TCCB, các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của Bộ trưởng	10/2025
12.	Xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá, khen thưởng, kỷ luật tập thể, cá nhân trong việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	10/2025
II.	HOÀN THIỆN THẺ CHẾ, ĐƯA THẺ CHẾ THÀNH MỘT LỢI THẺ CẠNH TRANH TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ				
13.	Rà soát và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch sửa đổi, bổ sung 17 Luật chuyên ngành nông nghiệp và môi trường, các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật, bảo đảm sự thống nhất, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành, phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và	Các Cục quản lý chuyên ngành	Vụ Pháp chế; Vụ KHCN; Các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền	6/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	chuyển đổi số và chủ động hội nhập quốc tế				
14.	Chủ động, tích cực tham gia sửa đổi, bổ sung, góp ý các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, nhất là về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quản lý tài chính có liên quan.	Vụ Pháp chế	Vụ KHCN; Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo trình Ban Thường vụ và gửi Bộ Tư pháp	4/2025
15.	Sửa đổi, bổ sung các quy trình nội bộ đáp ứng các quy định về giao dịch điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử thay thế giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.	Các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ.	Các quy trình nội bộ của cơ quan, đơn vị được ban hành.	12/2025
16.	Sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật của từng lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chủ động hội nhập quốc tế.	Các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ.	Các quy trình nội bộ của cơ quan, đơn vị được ban hành.	12/2025
17.	Hoàn thiện các quy định kỹ thuật về thông tin, dữ liệu; quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về: thu nhận, số hóa, tạo lập, xây dựng cơ sở dữ liệu; kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin dữ liệu; đảm bảo an toàn thông tin để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động của ngành nông nghiệp và môi trường trên môi trường số.	Cục CDS	Vụ Pháp chế; Vụ KHCN; Các đơn vị thuộc Bộ	Các văn bản pháp luật được ban hành	Thường xuyên
18.	Sửa đổi, bổ sung kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030.	Vụ KHCN	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của Bộ trưởng	10/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
III.	TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ, HOÀN THIỆN HẠ TẦNG CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ				
19.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong Bộ để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	12/2025
20.	Xây dựng, phê duyệt Đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ sở giáo dục đại học công lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức đó sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng.	Viện, trường thuộc Bộ	Vụ TCCB, Vụ KHCN và các đơn vị liên quan	Quyết định của cấp có thẩm quyền	12/2025
21.	Xây dựng, phê duyệt Đề án tăng cường năng lực của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (viện/trường, trung tâm chuyên ngành kỹ thuật); phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, khảo nghiệm, phòng thí nghiệm. Theo đó, mỗi lĩnh vực trọng điểm cần có ít nhất một phòng thử nghiệm đạt yêu cầu công nhận tương đương với các phòng thử nghiệm quốc tế, các nước phát triển để phục vụ công tác hội nhập, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	Viện, trường, trung tâm chuyên ngành kỹ thuật thuộc Bộ, đơn vị thuộc Bộ	Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ KHCN và các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Từ 2026
22.	Xây dựng và trình phê duyệt Đề án thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ	Vụ KHCN	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	12/2025
23.	Xây dựng, phê duyệt Danh mục công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm để thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Vụ KHCN	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	và chuyển đổi số.				
24.	Sửa đổi, bổ sung và tổ chức triển khai hiệu quả các chiến lược về nghiên cứu, ứng dụng, khai thác không gian biển, không gian ngầm và không gian vũ trụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.	Vụ KHCN	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
25.	Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản.	Vụ KHCN	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
26.	Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ KHCN; Các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ.	Các văn bản của cấp có thẩm quyền; Báo cáo kết quả thực hiện.	Thường xuyên
27.	Nghiên cứu, ứng dụng bản sao số thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường.	Cục CDS	Vụ KHCN; các đơn vị thuộc Bộ	Các hệ thống bản sao số	Từ 2026
28.	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng Internet vạn vật (IoT), mạng LoRaWAN trong quan trắc, giám sát và dự báo về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu và nông nghiệp thông minh.	Cục CDS	Vụ KHCN; Các Cục thuộc lĩnh vực xây dựng Đề án; các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	12/2025
29.	Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (Machine learning), dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IOT), chuỗi khối (Blockchain),... trong các lĩnh vực của ngành nông nghiệp và môi trường.	Vụ KHCN Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo thực hiện; cân phẩm ứng dụng, triển khai.	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
30.	Phát triển nền tảng số dùng chung của ngành nông nghiệp và môi trường, kết nối, liên thông với các nền tảng số quốc gia bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông trên môi trường số.	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Hoàn thành các nền tảng số	12/2028
31.	Đầu tư xây dựng, triển khai hạ tầng số hợp nhất, tập trung hóa, sử dụng chung; vận hành, nâng cấp các Trung tâm dữ liệu ngành, sử dụng công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin đáp ứng quy mô tăng trưởng của dữ liệu và các dịch vụ dữ liệu; kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, Hệ thống đám mây của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Hạ tầng số hợp nhất, liên thông	Thường xuyên
32.	Kết nối, tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai của các địa phương từ kết quả đo đạc, đăng ký, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.	Cục Quản lý đất đai; Cục CDS.	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai được vận hành, khai thác, sử dụng	Thường xuyên
33.	Hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ; kết nối, liên thông, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”.				
-	Hoàn thiện các hệ thống giám sát, quan trắc môi trường, khí tượng thủy văn, tài nguyên đất, tài nguyên nước toàn quốc qua thiết bị IoT để phát triển dữ liệu lớn ngành nông nghiệp và môi trường.	Các đơn vị chuyên ngành trực thuộc Bộ.	Cục CDS		Thường xuyên
-	Số hóa, phát triển dữ liệu lớn, hoàn thiện CSDL các lĩnh vực ngành nông nghiệp và môi trường	Các đơn vị chuyên ngành trực thuộc Bộ.	Cục CDS		Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
-	Xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, nền tảng bản đồ số quốc gia.	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Cục CDS		2030
-	Hoàn thiện nền tảng tổng hợp phân tích dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Hệ thống phân tích dữ liệu	2026-2027
-	Tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu lĩnh vực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ		Thường xuyên
34.	Xây dựng đề án Hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Đề án được phê duyệt, thực hiện	2026-2030
35.	Xây dựng, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội của Bộ.	Cục CDS	Văn phòng Bộ; Vụ Pháp chế; các đơn vị thuộc Bộ	Cơ sở dữ liệu được đưa vào vận hành, khai thác	2025
36.	Nâng cấp Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của Bộ; kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phục vụ giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến.	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Hệ thống giải quyết TTHC của Bộ được hoàn thiện, vận hành hiệu quả	06/2025
37.	Xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong ngành nông nghiệp và môi trường.	Vụ KHCN	Các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Chiến lược, tiêu chuẩn, qui chuẩn	2025 và những năm tiếp theo

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
IV.	PHÁT TRIỂN, TRỌNG DỤNG NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ				
38.	Xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW và các văn bản hướng dẫn của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực được phê duyệt.	Vụ TCCB	Vụ KHCN; các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Từ 2025
39.	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các tổ chức khoa học và công nghệ để đẩy mạnh, tập trung nguồn lực nghiên cứu, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.	Vụ TCCB	Vụ KHCN; các đơn vị khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Từ 2025
40.	Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đáp ứng được yêu cầu mới của phát triển đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.	Vụ TCCB	Viện, Trường, Học viện, các đơn vị trực thuộc Bộ	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng	Thường xuyên
41.	Tham gia xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế đặc biệt về thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các "tổng công trình sư" trong và ngoài nước có khả năng xây dựng, tổ chức, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
42.	Phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và	Vụ KHCN	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	công nghệ chiến lược của ngành			quyền	
43.	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng yêu cầu phát triển của Bộ, ngành.	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
44.	Tổ chức thực hiện chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực triển khai phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ.	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Kế hoạch	2025
45.	Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường có sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành trong nước và nước ngoài.	Viện, trường, trung tâm chuyên ngành kỹ thuật thuộc Bộ, đơn vị thuộc Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Nhóm nghiên cứu	2025
46.	Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về các lĩnh vực khoa học dữ liệu, phân tích và xử lý dữ liệu lớn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ, ngành.	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Kế hoạch	2026
47.	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Kế hoạch	2026
V.	ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ; NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ NGÀNH, LĨNH VỰC, HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN CÁC LĨNH VỰC, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH				
48.	Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số; hoàn thiện, đổi mới quy định, chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình hành chính, cải cách hành chính dựa trên công nghệ số;	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Kế hoạch	2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính phủ số và các đơn vị thuộc Bộ.				
49.	Xây dựng, ban hành Kiến trúc Chính phủ số của Bộ/Ngành Nông nghiệp và Môi trường (Phiên bản 4.0); Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung; Danh mục dữ liệu mở; Danh mục và kế hoạch phát triển dữ liệu lớn thuộc phạm vi quản lý của Bộ.	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Các hệ thống, nền tảng số được triển khai	Từ 2026
50.	Triển khai Trung tâm giám sát điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa cơ quan quản lý và người dân, doanh nghiệp.	Cục CDS	Văn phòng Bộ, các đơn vị thuộc Bộ	Các hệ thống, nền tảng số được triển khai	Từ 2026
51.	Đẩy mạnh số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu để mọi hoạt động của ngành dựa trên dữ liệu và cắt giảm thủ tục hành chính trong ngành nông nghiệp và môi trường.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính thuộc Bộ	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Thường xuyên
52.	Nâng cao chất lượng, đẩy mạnh loại hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cấp giấy phép tự động, cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; phấn đấu bảo đảm mục tiêu của Chính phủ đến năm 2030 đạt, đảm bảo 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả; 100% thủ tục hành chính không bị giới hạn bởi địa giới hành chính.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính thuộc Bộ	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Thường xuyên
53.	Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số trong nước đảm bảo an toàn, tiện ích cho người dân và doanh nghiệp.	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Công nghệ mới	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
54.	Xây dựng và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phòng, cảnh báo thiên tai, giám sát biển, chống dịch bệnh động vật, thực vật.	Cục KTTV, Cục CNTY, Cục TTrBVTV; , Cục QLDD và PCTT; các đơn vị có liên quan khác thuộc Bộ.	Các đơn vị thuộc Bộ.	Các ứng dụng, nền tảng số ứng dụng AI được xây dựng, phổ cập sử dụng	12/2026
55.	Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ, nội dung số.	Vụ Kế hoạch – Tài chính	Các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản triển khai; kết quả thực hiện	Thường xuyên
56.	Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống quản lý khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ ra quyết định (có khả năng tích hợp kết quả nghiên cứu của ngành từ các địa phương)	Vụ KHCN	Cục CDS, các đơn vị thuộc Bộ	Hệ thống quản lý trên môi trường mạng	Từ tháng 6 năm 2025
57.	Sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ cấp bộ “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường”.	Vụ KHCN	Cục CDS, các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của Bộ trưởng	Từ tháng 6 năm 2025
VI.	THÚC ĐẨY MẠNH MỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DOANH NGHIỆP VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG				
58.	Rà soát, đề xuất chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, ưu tiên đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.	Cục KTHT&PTNT	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Kế hoạch	2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
59.	Đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).	Vụ TCCB	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Kế hoạch	2026
60.	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.	Vụ KHCN	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Danh mục	2026
61.	Hướng dẫn, tổ chức đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ trong việc thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đổi mới doanh nghiệp hiệu quả, tăng năng suất lao động.	Vụ Kế hoạch – Tài chính (KHTC)	Vụ KHCN; các doanh nghiệp trực thuộc Bộ.	Hiệu quả của doanh nghiệp	Thường xuyên
62.	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp và môi trường trên môi trường số; thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng kết quả của nghiên cứu khoa học, công nghệ vào doanh nghiệp và sản xuất.	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Cục CDS và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Hệ thống giao dịch số nông sản	2026
VII.	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ				
63.	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, các tập đoàn đa quốc gia, các viện nghiên cứu, trường đại học hàng đầu thế giới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Vụ KHCN	Vụ Hợp tác quốc tế (HTQT); các đơn vị trực thuộc Bộ	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
64.	Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, nguyên tắc, quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; hình thành các mạng	Vụ HTQT	Vụ KHCN; Cục CDS; các cơ quan, đơn vị liên	Chương trình/Kế hoạch được phê duyệt	2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	lưới các nhà nghiên cứu khoa học tìm kiếm cơ hội áp dụng đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào các hoạt động quản lý hiệu quả và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.		quan		
65.	Nghiên cứu, đề xuất hợp tác liên Chính phủ để hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các lĩnh vực Bộ quản lý; tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới trong các lĩnh vực Bộ quản lý; thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Vụ HTQT	Vụ KHCN; các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
66.	Xây dựng kế hoạch để các chuyên gia Việt Nam tham gia vào các tổ chức quốc tế có liên quan, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ	Vụ TCCB	Vụ HTQT; các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản của cấp có thẩm quyền	2025